

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2021.

“V/v Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Minh Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Thắng - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **T T H T**, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn QT, xã MT, huyện ML, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh **V V X**, sinh năm 1992. Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Xóm 8, thôn VC, xã KT, huyện KT, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Hàn Quốc.

- *Người làm chứng:* Ông **V V S** - sinh năm 1967 (là bố đẻ anh X). Địa chỉ: Thôn VC, xã KT, huyện KT, tỉnh Hải Dương.

Chị T, anh X và ông S đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị T trình bày:
Chị và anh X kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã KT, huyện KT, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/9/2017. Sau khi kết hôn, chị và anh X tổ chức cuộc sống chung khoảng một tháng thì mỗi người sống một nơi do anh X đi sang Hàn Quốc học tập và làm việc, chị ở nhà chồng được một thời gian ngắn nhưng do chị chưa có việc làm nên đã về nhà ngoại sinh sống tại Nam Định và đi học nghề. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống vì sống xa nhau nên không có sự quan tâm, chia sẻ, thậm chí còn nghi ngờ tình cảm về nhau dẫn đến tình cảm lạnh nhạt, không muốn duy trì cuộc sống chung vợ chồng. Cuối năm 2020, chị đã trao đổi với anh X về nước để giải quyết việc ly hôn, tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên anh X không về

được. Nay chị xác định vợ chồng đã ly thân từ nhiều năm nay, cuộc sống mỗi người một nơi, không còn thương yêu, quan tâm đến nhau nữa nên tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh X để chị sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ: Chị xác định vợ chồng không có tài sản gì chung, không nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh X tại Hàn Quốc.

- Ông V V S (là bố đẻ anh X) trình bày: Anh X và chị T kết hôn năm 2017. Sau kết hôn, chị T về sinh sống với gia đình tôi tại xã Kim Tân được khoảng một tháng thì anh X đi Hàn Quốc, chị T chưa có việc làm nên về nhà bố mẹ để sinh sống và đi học nghề được. Nay chị T làm đơn ly hôn với anh X là quyết định của anh chị ấy, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật. Sau khi ông nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, ông đã thông báo qua điện thoại cho anh X biết về việc chị T làm đơn xin ly hôn. Qua trao đổi anh X không cho ông biết địa chỉ cụ thể ở Hàn Quốc nên ông không thể cung cấp địa chỉ hiện nay của anh X cho Tòa án được, anh X cũng không gửi ý kiến bằng văn bản về cho Tòa án nhưng có quan điểm xác định vợ chồng ly thân đã lâu, mẫu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, không muốn chung sống với chị T nữa nên nhất trí ly hôn, anh X xác định anh chị không có con chung và không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay anh Vang chưa thể về Việt Nam được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại công văn số 11345/QLXNC-P5 ngày 14/5/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định anh V V X, sinh ngày 14/10/1992, căn cước công dân số 030092002185, khai địa chỉ tại: KT, huyện KT, tỉnh Hải Dương; có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 20/4/2019 bằng hộ chiếu số C4989475 qua cửa khẩu Cát Bi.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T T H T được ly hôn anh V V X; Về con chung, tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị T T H T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đề nghị xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

Anh V V X là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại Hàn Quốc nhưng không rõ địa chỉ cụ thể, tuy nhiên anh X vẫn thường xuyên liên lạc với thân nhân ở trong nước. Tòa án đã yêu cầu chị T cũng như ông V V S (bố đẻ anh X) cung cấp địa chỉ cụ thể của anh X nhưng không cung cấp được nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh X vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh X.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh X tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã KT, huyện KT, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/9/2017. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng tổ chức sống chung khoảng một tháng thì anh X đi sang học tập và làm việc tại Hàn Quốc, còn chị T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Từ đó, anh chị sống xa cách, mỗi người một nơi nên không có sự thông cảm, hiểu nhau trong cuộc sống, dẫn đến bất đồng quan điểm sống, nghi ngờ sự chung thủy về nhau, nhiều lần xảy ra cãi chửi nhau và không muốn duy trì cuộc sống chung vợ chồng. Nay chị T xác định vợ chồng đã ly thân từ nhiều năm nay, không còn thương yêu, quan tâm đến nhau nên tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh X để sớm ổn định cuộc sống riêng. Thông qua gia đình, anh X cũng xác định mẫu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị T được ly hôn anh X là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T, anh X đều xác định vợ chồng không có con chung.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T T H T được ly hôn anh V V X.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị T T H T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2018/0005967 ngày 23/4/2021. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh X đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã KT, huyện KT, tỉnh Hải Dương (để nghị vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mạc Minh Quang